| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X**<br>**THÀNH PHỐ Y** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 214/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 8/5/2018
V/v : *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ Y**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** :

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Vũ Thị Thân.

2. Bà Lâm Ngọc Minh.

*Thư ký phiên tòa*: Ông Diệp Xuân Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Y tham gia phiên tòa*: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 593/2017/TLST- HNGĐ ngà y 03 tháng 11 năm 2017 về " Tranh chấp về ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/ QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Q, sinh năm 1962; địa chỉ: 102A đường 100 B, Phường MB, Quận X, Thành phố Y; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh 1962; địa chỉ: 102A đường 100 B, Phường MB, Quận X, Thành phố Y; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 24/10/2017, Bản tự khai ngày 24/11/2017, các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/12/2017, ngày 03/01/2018 và 07/02/2018 nguyên đơn ông Phan Q trình bày*:

Ông Q và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 1985 có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 99, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã PH, huyện C, Thành phố Y cấp ngày 8/7/1985.

Vợ chồng chung sống được 03 con chung tên Phan Quang T (nam), sinh ngày 24/01/1986, Phan Thị Thanh T1 (nữ), sinh ngày 18/4/1988 và Phan Thanh T2 (nữ), sinh ngày 03/01/1996.

Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bà L thường xuyên vay nợ bên ngoài với số tiền rất lớn để sử dụng vào việc gì gia đình không biết, ngoài ra bà L thường đi chơi khuya hoặc bỏ nhà đi nhiều ngày không về, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Ông Q và bà L đã tự hòa giải nhiều lần nhưng bà L vẫn không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ 2015 cho đến nay. ông xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Các con chung là Phan Quang T (nam), sinh ngày 24/01/1986, Phan Thị Thanh T1 (nữ), sinh ngày 18/4/1988 và Phan Thanh T2 (nữ), sinh ngày 03/01/1996 đều đã trên 18 tuổi, Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 26/3/2018 ông Phan Q có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông và yêu cầu Tòa án bảo lưu các ý kiến của ông theo như các Biên bản ông đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án.

* *Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị L*: Theo kết quả xác minh của Công an Phường MB, Quận X, TP.Y ngày 24/11/2017: " Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1962 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 102A đường 100 B, Phường MB, Quận X, Thành phố Y. Đương sự L đã đi khỏi địa phương từ tháng 12/2017 không trình báo địa chỉ cư trú hiện nay cho địa phương ".

Tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết Vụ án , bà Nguyễn Thị L vẫn đang cư trú tại Quận X nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà L vẫn không có mặt dù Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho bị đơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cụ thể thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau : " Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ".

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng* :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Phan Q và bà Nguyễn Thị L chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông Q xin ly hôn với bà L, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận X nên Tòa án nhân dân Quận X thụ lý và giải

quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị L nhưng bị đơn bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, ngày 26/3/2018 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 24/11/2017 Tòa án nhân dân Quận X có yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận X, Thành phố Y xác minh tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Phan Q và bà Nguyễn Thị L. Kết quả xác minh như sau: " Ông Phan Q và bà Nguyễn Thị L thường trú tại 102A B, Phường MB, Quận X, trong thời gian chung sống có mâu thuẫn gây chuyện lớn tiếng với nhau tuy nhiên hai vợ chồng không liên hệ công an, tổ hòa giải để yêu cầu giải quyết ".

Xét thấy hôn nhân giữa Ông Q và bà L thực sự xảy ra mâu thuẫn nên địa phương đã xác nhận mâu thuẫn như trên. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã 2 năm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L yêu cầu có mặt để hòa giải nhưngbà L vẫn vắng mặt xem như không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của Ông Q và cũng không có thiện chí hàn gắn để vợ chồng đòan tụ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: "Nếu có căn cứ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn ". Căn cứ vào những chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phan Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

* Về con chung : Các con chung là Phan Quang T (nam), sinh ngày 24/01/1986, Phan Thị Thanh T1 (nữ), sinh ngày 18/4/1988 và Phan Thanh T2 (nữ), sinh ngày 03/01/1996 đều đã trên 18 tuổi không đề cập giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

[3] *Về án phí:*

-Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Q phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

*Tuyên xử :*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Q.

Ông Phan Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Các con chung là Phan Quang T (nam), sinh ngày 24/01/1986, Phan Thị Thanh T1 (nữ), sinh ngày 18/4/1988 và Phan Thanh T2 (nữ), sinh ngày 03/01/1996 đều đã trên 18 tuổi không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Ông Phan Q phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Ông Q đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số AG/2014/0004613 ngày 01/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Y. Ông Q đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Q và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mỹ Duyên**